

Mã văn bản: 36/CBTT-CTCP397
Số văn bản: 36
Ngày ban hành: 27/03/2026

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CBTT-CTCP397

Mạo Khê, ngày tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước
và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty cổ phần 397.

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần 397

- Mã chứng khoán: BCB
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Số điện thoại: (020) 32211329 Fax: (020) 33871299

- Website: <http://www.congtycophan397.com.vn>

- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Tiến Trung

- Chức vụ: TP. Tổ chức lao động

- Loại thông tin công bố: 24 giờ

2. Nội dung thông tin công bố

- Công ty Cổ phần 397 công bố thông tin về nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT ngày 27/03/2026 của Công ty Cổ phần 397 như đính kèm đến Quý ủy ban, quý Sở được biết và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần 397 vào ngày 27 tháng 03 năm 2026 tại đường dẫn: <http://www.congtycophan397.com.vn>

- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCLĐ, O06.

* Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số: 03/2026/NQ-HĐQT;
- Hợp đồng khai thác, sàng tuyển chế biến, Giao than năm 2026 số: 04/2026/HĐ.



Trần Tiến Trung

Số: 03/2026/NQ-HĐQT

Mạo Khê, ngày 27 tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Biên bản họp số: 03/2026/BB-HĐQT ngày 27/03/2026 của hội đồng quản trị Công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê chuẩn thông qua nội dung:

Thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển chế biến, giao than năm 2026 số: 04/2026/HĐ giữa công ty cổ phần 397 và Tổng công ty Đông Bắc.

Điều 2: Giám đốc Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị và các cơ quan chức năng liên quan thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Các cổ đông, Website;
- Lưu: VT; TCLĐ.005.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Đình Kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số đến: 238

Ngày: 27 tháng 03 năm 2026

HỢP ĐỒNG
KHAI THÁC, SÀNG TUYỂN CHẾ BIẾN, GIAO THAN NĂM 2026
Số: 04/2026/HD

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Đông Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 2131/QĐ-BQP ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Văn bản số 11151/ĐB-KH ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Tổng công ty Đông Bắc về việc thông báo cho Người đại diện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và xây dựng đơn vị của Công ty Cổ phần 397 năm 2026;

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại Văn phòng Tổng công ty Đông Bắc, thành phần gồm:

1. Bên A: Tổng công ty Đông Bắc

Địa chỉ: Tổ 3, Khu 8, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033.836336 - Fax: 02033.835773.

Tài khoản: 0141000000606 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Quảng Ninh.

Mã số thuế: 5700101468.

Đại diện: Ông Đỗ Mạnh Khâm - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Bên B: Công ty Cổ phần 397

Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1 - Phường Mạo Khê - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.2211329 - Fax: 0203.3871299.

Tài khoản: 114000142030 - Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - CN Uông Bí.

Mã số thuế: 5701435907.

Đại diện: Ông Kiều Văn Sinh - Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng khai thác, sàng tuyển chế biến, giao than năm 2026 với những điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

1.1. Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến than năm 2026 và giao cho bên A với khối lượng, chất lượng, giá mua/bán được quy định trong hợp đồng này (có phụ biểu kèm theo) và các văn bản hướng dẫn, quy định của Tổng công ty Đông Bắc trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có). Tiến độ sản xuất, giao than theo kế hoạch điều hành hàng tháng của bên A.



1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ các dự án, hạng mục đầu tư theo kế hoạch đầu tư phát triển và bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định của Pháp luật và của Tổng công ty Đông Bắc.

Điều 2. Giá mua bán than:

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất: Đối với sản phẩm giao theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, Bên A thanh toán cho bên B tổng giá thành sản phẩm giao trên cơ sở công đoạn sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật và lợi nhuận định mức thông qua giá mua/bán than chưa bao gồm thuế GTGT đối với các chủng loại than sạch, than nguyên khai quy sạch, than bán thành phẩm (như phụ lục kèm theo).

2.2. Nếu bên B không hoàn thành kế hoạch giao sản phẩm cho bên A về số lượng, chất lượng các chủng loại than thì bên A sẽ xem xét giảm giá mua/bán than. Trong trường hợp do nhu cầu tiêu thụ than của thị trường thì bên A chủ động thông báo cho bên B để hai bên thống nhất điều chỉnh lại cơ cấu sản phẩm giao nhận và điều chỉnh giá than mua/bán nếu có ảnh hưởng do thay đổi kết cấu chủng loại than mua/bán gây ra; ngoài ra trong quá trình thực hiện do điều kiện sản xuất thực tế phát sinh chi phí so với kế hoạch, hai bên sẽ xem xét điều chỉnh giá mua/bán than (trong khả năng của bên A).

2.3. Đối với sản lượng than bên B được Tổng công ty ủy quyền/cho phép tiêu thụ trực tiếp cho khách hàng mua than, Tổng công ty bán lại cho đơn vị đề tiêu thụ bằng giá bán than thị trường trong nước của Tổng công ty theo từng thời điểm.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm do bên B sản xuất được công nhận là đã giao cho bên A, khi đã thực hiện giao nhận tại kho CN mở của bên B cho bên A và/hoặc giao tại kho, cảng của bên A thông qua các đơn vị chế biến tiêu thụ của Tổng công ty và được Trung tâm Giám định TCT xác nhận số lượng, chất lượng sản phẩm.

3.2. Phương pháp xác định khối lượng than mua/bán: Khối lượng than được xác định theo khối lượng than qua cân điện tử quy về độ ẩm trung bình theo tiêu chuẩn và/hoặc theo mô hình khối xe ô tô nhân (x) tỷ trọng khối của từng chủng loại than và/hoặc xác định theo mớn nước (giao than xuống phương tiện thủy).

3.3. Hàng quý và kết thúc năm bên A tổ chức nghiệm thu xác định tổng sản phẩm mà bên B đã giao và thực hiện các chỉ tiêu trong Phụ lục hợp đồng này.

3.4. Bên A quyết toán tiền than giao cho bên B mỗi tháng 1 lần, được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ, sau khi có biên bản đối chiếu của bên giao - bên nhận và chứng thư của Trung tâm Giám định xác nhận khối lượng, chất lượng than giao nhận trong tháng.

3.5. Kết thúc năm, căn cứ vào khối lượng nghiệm thu sản phẩm giao nhận và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của các bên:

4.1. Bên A:

a. Nghĩa vụ:

- Giao cho bên B quản lý và khai thác tài nguyên trữ lượng than đảm bảo đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

- Các đồng chí Phó Tổng Giám đốc, các cơ quan chuyên môn Tổng công ty có liên quan giúp Tổng Giám đốc thực hiện giám sát, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B:

a. Nghĩa vụ:

- Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn để bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong ranh giới mỏ được giao, không để thất thoát than hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ than trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ được giao quản lý. Thực hiện nghiêm các quy định của Tổng công ty về công tác quản lý sản phẩm từ khâu khai thác, chế biến, vận chuyển than từ khai trường mỏ ra kho công nghiệp, cảng bến để tiêu thụ.

- Tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn, hiệu quả, thực hiện đúng quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện làm việc cho CB CNVC lao động; Là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

- Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất than trong khai thác và tăng giá trị than thu hồi sau chế biến.

- Quản trị chặt chẽ chi phí theo quy chế đơn vị ban hành. Thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, đảm bảo giá trị tiết giảm tối thiểu 7% chi phí sản xuất của đơn vị theo kế hoạch; trích nộp các chi phí tập trung theo thỏa thuận tại hợp đồng này và nộp các khoản thuế, phí cho ngân sách Nhà nước và chính quyền địa phương. Sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo thu nhập, các chế độ và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CB CNVC lao động, lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, quy định về tiến độ, khối lượng, chất lượng than mua/bán, chế độ báo cáo thống kê của Tổng công ty và Nhà nước đã ban hành.

- Tổ chức bóc tách, phân loại chất lượng than ngay từ khâu khai thác, thực hiện tốt chế độ vệ sinh công nghiệp từ khâu khai thác, sàng tuyển chế biến than để hoàn thành kế hoạch phân cấp than bên A giao. Thực hiện công tác giao than tháng, quý, năm đảm bảo số lượng, cơ cấu phân cấp chất lượng và tiến độ giao than theo kế hoạch bên A giao; khuyến khích vượt sản lượng các chủng loại than thị trường tiêu thụ tốt.

- Đối với thiết bị khai thác lộ thiên của bên A mua lại sau thời gian thuê hoạt động, giao cho bên B vận hành phục vụ sản xuất, bên B quản lý sử dụng thiết bị an toàn hiệu quả; các chi phí vật tư, nhiên liệu, sửa chữa, tiền lương,... thực hiện theo giá thành công đoạn và hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ theo quy định.

- Đảm bảo công tác vệ sinh môi trường và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, phí với Nhà nước, địa phương theo quy định hiện hành.

b. Quyền hạn:

- Được bên A thanh quyết toán tiền mua/bán than thông qua khối lượng, chủng loại than giao nhận, đơn giá mua bán và điều chỉnh bổ sung (nếu có).

- Chủ động điều hành trong quá trình sản xuất trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng.

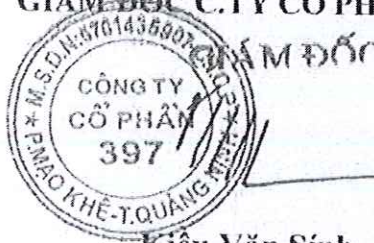
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng, chủ động thông báo về tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc trong quá trình điều hành, tổ chức sản xuất các bên phải kịp thời thông báo và chủ động bàn bạc giải quyết kịp thời trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cả hai bên.

- Trường hợp thay đổi khối lượng than sản xuất, chất lượng sản phẩm và các chỉ tiêu khác thì bên A có văn bản thông báo, quyết định điều chỉnh.

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng.

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026, được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC C.TY CỔ PHẦN 397



Kiều Văn Sinh

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC TCT ĐÔNG BẮC



Đỗ Mạnh Khâm

C.P * HMM

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN 397



(Kèm theo Hợp đồng số: 04/2026/HD ngày 01/01/2026)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026
I	CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT		
1	Bóc đất đá	m3	12.270.000
-	Bóc đất đá CBSX	m3	12.270.000
-	Đất công nghệ	m3	
	* H/số bóc đất CBSX	m3/tấnNK	12,27
2	Sản xuất than nguyên khai	Tấn	1.000.000
-	Than Lộ thiên	Tấn	1.000.000
-	Than Hàm lò	Tấn	
3	Chế biến than sạch từ NK	Tấn	546.100
	* Hệ số thu hồi than sạch	%	91,02
II	GIAO THAN	Tấn	946.100
1	Than sạch, than BTP	Tấn	546.100
2	Than nguyên khai	Tấn	400.000
	Tr.đó: Than sạch trong nguyên khai	Tấn	364.100
III	GIÁ THÀNH SẢN XUẤT - TIÊU THỤ	đ/tấn	1.024.777
IV	DOANH THU	Tr.đồng	932.752,28
1	Doanh thu SXKD than	Tr.đồng	932.752,28
2	Doanh thu bán đất đá thải mỏ	Tr.đồng	
V	TỔNG CHI PHÍ	Tr.đồng	907.752,28
1	Chi phí SXKD than	Tr.đồng	907.752,28
2	Chi phí bán đất đá thải mỏ	Tr.đồng	
3	Giá trị tiết giảm 7%CPSX	Tr.đồng	22.977,00
VI	LỢI NHUẬN	Tr.đồng	25.000,00
1	Lợi nhuận SXKD than	Tr.đồng	25.000,00
2	Lợi nhuận SXKD khác (bán đất đá thải mỏ)	Tr.đồng	

* **Ghi chú:** Giá trị tiết giảm 7%CPSX, đơn vị xây dựng phương án phù hợp với điều kiện sản xuất và tình hình thực tế để triển khai thực hiện đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2026.
- Đối với hoạt động bán đất đá thải mỏ Nam Trảng Bạch phục vụ san lấp mặt bằng các Dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và địa phương lân cận, Công ty Cổ phần 397 thực hiện theo các quy định của Nhà nước, tỉnh Quảng Ninh và Tổng công ty, đảm bảo hiệu quả kinh tế./.



KẾ HOẠCH GIAO THAN NĂM 2026
Đơn vị: Công ty Cổ phần 397

(Kèm theo Hợp đồng số 04/2026/HĐ ngày 01/01/2026)

TT	CHUNG LOẠI THAN	AKTB (%)	K.Lượng (tấn)	Đơn giá (đ/tấn)	Thành tiền (đồng)	K.Lượng giao các đơn vị (Tấn)		
						Cty Cảng	Cty Sông Hồng	Cty XDCNM
	* THAN NGUYỄN KHAI	42,70	1.000.000					
	* THAN N.KHAI ĐƯA VÀO SÀNG	42,66	600.000					
	* THAN N.KHAI GIAO	42,77	400.000			400.000		
I	Than sạch (Tổng số)	38,99	546.100	1.035.938	565.725.725.938	546.100		
-	Cục xỏ 1c Ak 19,01-23%	20,5		2.684.023				
-	Cám 4a.4 Ak 19,01-23%	21,0		1.810.023				
-	Cám 4b.4 Ak 23,01-27%	25,0		1.618.023				
-	Cám 5a.4 Ak 27,01-31%	29,0	20.200	1.471.023	29.714.667.028	20.200		
-	Cám 5b.4 Ak 31,01-35%	33,0	63.900	1.244.023	79.493.077.380	63.900		
-	Cám 6a.4 Ak 35,01-40%	37,5	207.300	1.132.023	234.668.392.816	207.300		
-	Cám 6b.4 Ak 40,01-45%	42,5	254.700	871.023	221.849.588.713	254.700		
-	Cám 7a AK 45,01-50%	47,5		851.560				
-	Cám 7b AK 50,01-55%	52,5		609.560				
-	Cám 7c AK 55,01-60%	57,5		483.560				
III	Than nguyên khai (Tổng số)	42,77	400.000		367.026.554.062	400.000		
I	Than sạch trong nguyên khai	38,99	364.100	1.008.038	367.026.554.062	364.100		
-	Cám 4a.4 Ak 19,01-23%	21,0		1.782.083				
-	Cám 4b.4 Ak 23,01-27%	25,0		1.590.083				
-	Cám 5a.4 Ak 27,01-31%	29,0	13.500	1.443.083	19.481.612.123	13.500		
-	Cám 5b.4 Ak 31,01-35%	33,0	42.600	1.216.083	51.805.140.920	42.600		
-	Cám 6a.4 Ak 35,01-40%	37,5	138.200	1.104.083	152.584.287.211	138.200		
-	Cám 6b.4 Ak 40,01-45%	42,5	169.800	843.083	143.155.513.809	169.800		
-	Cám 7a AK 45,01-50%	47,5		823.620				
-	Cám 7b AK 50,01-55%	52,5		581.620				
-	Cám 7c AK 55,01-60%	57,5		455.620				
2	Đất đá, xỉ thuần (không tính tiền)	80,33	35.900			35.900		
	TỔNG SỐ	38,99	910.200	1.024.777	932.752.280.000	910.200		

Ghi chú: Đơn giá trên áp dụng từ ngày 01/01/2025.

Áp dụng cơ chế tăng/giảm đơn giá do tăng/giảm Ak như sau:

- Than cục các loại: Tăng/giảm từ 0,1-1% độ tro so với độ tro (Ak) trung bình trong giới hạn, giảm/tăng 20.000 đ/tấn;
- Than cám: Tăng từ 0,1-1% độ tro so với độ tro (Ak) trung bình, giảm 15.000 đ/tấn;
Giảm từ 0,1-1% độ tro so với độ tro (Ak) trung bình, tăng 10.000 đ/tấn;
- Than giao tại kho CN mỏ Nam Trảng Bách:

- Các chủng loại than (cám 4, cám 5, cám 6, cục xỏ 1C, cám 7): Giá quyết toán bằng đơn giá trên trừ (-) chi phí vận chuyển từ kho CN mỏ sang kho MB+14 NTB của Công ty Cảng (cung độ 1,3 Km x 5.071 đồng/tkm): 6.592 đồng/tấn.

- Các chủng loại than khác: Giá quyết toán bằng giá bán các chủng loại than tại thị trường trong nước hiện hành của TCT trừ (-) thuế môi trường, phí giám định than tiêu thụ (31.510 đồng/tấn) trừ (-) chi phí vận chuyển, lập kết, tiêu thụ của Công ty Cổ phần than Sông Hồng: 72.807 đồng/tấn trừ (-) Chi phí quản lý của TCT (5% giá bán các chủng loại than thị trường trong nước của TCT tại thời điểm quyết toán).

4. Than vận chuyển giao tại cảng Tâm Vân: Giá quyết toán các chủng loại than giao tương ứng tại kho CN mỏ NTB (quy định tại mục 3 trên) cộng (+) chi phí vận chuyển đến cảng Tâm Vân (cung độ 7,1 km x đơn giá 3.750 đồng/tkm): 26.625 đồng/tấn cộng (+) Phí qua đường chuyển dụng của Công ty Cảng: 22.182 đồng/tấn.